Phụ lục XIII

Appendix XIII

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số:..../TB-....
No:..../TB-....

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2026
Ho Chi Minh City, October 21, 2026

THÔNG BÁO

Giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

To:

- *The State Securities Commission;*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange;*
- *Nam Kim Steel Joint Stock Company.*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation*: **NGUYỄN HỮU HẠNH**
- Quốc tịch/*Nationality*: Việt Nam/*Vietnam*

  Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:* , Ngày cấp/*Date of issue*: , Nơi cấp/*Place of issue*:

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone*: Fax:

  Email: Website:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:* Phó Tổng giám đốc/*Deputy General Director.*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):* Không có/*None.*

   - Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person*:
   - Quốc tịch/*Nationality:*
   - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*
   - Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*
   - Điện thoại liên hệ/*Telephone:* Fax: Email:
   - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company:*
   - Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:*
   - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code*: **NKG**

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Underlying securities code (for covered warrants):*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants mentioned at item 3 above:* tại công ty chứng khoán/*In the securities company*: và/*and* tại công ty chứng khoán/*In the securities company*:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction:* **28** cổ phiếu/*shares*, tỷ lệ/*percentage of shares*: **0%**.

   Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm */*Number, ownership percentage of underlying securities (which are mentioned at item 3) held before executing the covered warrants *:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sale/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:*

   - Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:* Mua/*Purchase.*

   - Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading:* **100.000** cổ phiếu/*shares*, tỷ lệ/*percentage of shares*: **0,02%.**

7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá)/*The expected value of transaction (which calculated based on par value):* **1.000.000.000** đồng/*VND.*

   Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Value of covered warrants (at the latest issuing price) expected to be traded (for covered warrants):*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number and ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants expected to hold after the transaction:* **100.028** cổ phiếu/*shares*, tỷ lệ/*percentage of shares*: **0,02%.**

9. Mục đích thực hiện giao dịch/*Purpose of transaction:* Đầu tư tài chính cá nhân/*Personal financial investment.*

10. Phương thức giao dịch/*Method of transaction:* Thỏa thuận và/hoặc khớp lệnh/*Negotiated transactions and/or order matching transactions.*

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Expected trading time:* từ ngày/*from* **26/10/2026** đến ngày/*to* **23/11/2026.**

** Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch/Number, ownership percentage of underlying securities held at the day of the notice:*

Nơi nhận:
Recipients:
- Như trên;
- *As above;*
- Lưu: VT,…
- *Archived:….*

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal -if any)

NGUYỄN HỮU HẠNH